

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 21-9-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thành
2. Bà Trần Thị Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Xuân H, sinh năm 1963; cư trú tại: số 1113, đường Nguyễn Tất T, khu phố I, phường Long Th, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước, có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1950; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
2. Ông Bùi Hữu Ngh, sinh năm 1960; có mặt.

Cùng địa chỉ: số 429, khu phố Ng phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Gia C, sinh năm 1953; địa chỉ: số 211, đường T, phường P, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H3, sinh năm 1956; địa chỉ: số 211 đường Thống Nhất, phường Phước Bình, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước, có mặt.

2. Ông Huỳnh Hữu Ngh1, sinh năm 1961, quốc tịch Hoa Kỳ; địa chỉ: số 2 Milton Road Quincy MA 02171, USA.

3. Ông Huỳnh Cẩm V, sinh năm 1947; địa chỉ: Postiljonen Restaurang – Kruthusgatan 1741104 Goteborg (Thụy Điển).

4. Bà Huỳnh H1, sinh năm 1952; địa chỉ: số 430, khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có mặt.

5. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1958; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Bà Bùi Hữu Ph, sinh năm 1981; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Ông Bùi Thành A, sinh năm 1983; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Bà Bùi Thanh Th1, sinh năm 1984; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

9. Bà Bùi Ngọc Q, sinh năm 1987; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 429, khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

10. Bà Lai Thị Minh T, sinh năm 1973; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

11. Bà Lê Ngọc Gia H2, sinh năm 1995; có mặt.

12. Ông Lê Minh Quốc Đ, sinh năm 1997; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

13. Ông Nguyễn T1, sinh năm 1985; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 430, khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

14. Ông Trần Thiên C1, sinh năm 1980; địa chỉ: số 3/14, khu phố Bình Thuận, phường Bình Nhâm, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

15. Ủy ban nhân dân thành phố Th, địa chỉ: khu phố Ch, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

16. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Th, địa chỉ: số 39, đường Cầu Sắt, khu phố Long Th, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Xuân H trình bày:

Cha của nguyên đơn là ông Huỳnh Phước S, sinh năm 1916 (chết năm 1986) và mẹ của nguyên đơn là bà Bùi Thị R, sinh năm 1926 (chết năm 2009). Cha mẹ của nguyên đơn sinh được 07 người con gồm:

1. Ông Huynh Cam V (Huỳnh Cẩm V), sinh năm 1948.
2. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1950.
3. Ông Bùi Hữu Ngh, sinh năm 1960.
4. Bà Huỳnh H1, sinh năm 1952.
5. Ông Huỳnh Gia C, sinh năm 1957.
6. Ông Huỳnh Hữu Ngh1, sinh năm 1961.
7. Bà Huỳnh Xuân H, sinh năm 1963.

Lúc còn sống, bà R tạo lập diện tích đất 6.672m² (đo đạc thực tế 6.756,6m²), tọa lạc phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 và đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998) (gồm đất sân banh, đất trại gà, đất nhà ở).

Năm 2009, bà R chết không để lại di chúc. Hiện nay di sản này do bị đơn bà Huỳnh Thị G và ông Bùi Hữu Ngh quản lý, sử dụng nhưng không chia cho anh chị em nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của mẹ để lại là diện tích đất đo đạc thực tế 6.756,6m² cho 07 anh chị em, mỗi người 01 phần bằng nhau. Nguyên đơn yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tại Biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, 11/5/2022, biên bản làm việc ngày 24/8/2022, biên bản hòa giải ngày 26/8/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị chia di sản thừa kế theo các biên bản làm việc nêu trên và có tính công sức gìn giữ cho bà G, bà H1, ông Ngh.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị G trình bày:

Về quan hệ huyết thống bà hoàn toàn thông nhất với ý kiến của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản diện tích đất đo đạc thực tế 6.756,6m² thì không đồng ý. Bởi vì, trong diện tích đất tranh chấp 6.756,6m² thì chỉ có 102m² đất là di sản của cụ R. Còn lại diện tích đất 1.254m² là của bà Huỳnh H1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H4 vào năm 1979 và diện tích đất 5.316m² là của bị đơn nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ vợ chồng ông Phạm Tấn S1 và bà La Hồng Ph1 vào ngày 20/02/1980. Sở dĩ, di sản này cụ R đứng tên quyền sử dụng đất là vì khi làm sổ đất cán bộ yêu cầu gộp chung 03 phần đất của cụ R, bà H1 và bà G để làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R đứng tên thì bà đồng ý. Sau đó, cụ R mua thêm của ông Nguyễn Kỳ S2 diện tích đất 3.520 m² cho nên năm 1994, cụ R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.192m² nhưng sau đó, cụ R giao cho Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa 01 phần đất nên khi cụ R được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất chỉ còn 6.672m² (đo đạc thực tế 6.756,6m²). Do đó bị đơn chỉ đồng ý chia 102m² đất của cụ R cho 07 anh chị em. Bà sống trên phần đất này chung với mẹ

từ nhỏ đến lớn nên bị đơn là người trực tiếp chăm sóc mẹ bà. Khi mẹ chết bị đơn cũng là người lo ma chay nên bà yêu cầu Tòa án tính công sức đóng góp cho bị đơn khi chia di sản. Trên đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4 của bà Huỳnh H1, nhà của cụ R, cây trái tự mọc và 05 ngôi mộ không biết chủ. Tại các Biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, 11/5/2022, biên bản làm việc ngày 24/8/2022, biên bản hòa giải ngày 26/8/2022 bị đơn thống nhất phương án phân chia di sản thừa kế.

- Bị đơn ông Bùi Hữu Ngh trình bày:

Cha ông tên Huỳnh Phước S, sinh năm 1919 (chết năm 1986) và mẹ ông tên Bùi Thị R. Sở dĩ, trong giấy khai sinh của ông ghi cha vô danh là vì lúc sinh ông ra, cha mẹ ông giận nhau nên khi làm giấy khai sinh cho ông, mẹ ông lấy họ mẹ là Bùi Hữu Ngh. Ông ở với mẹ từ lúc sinh ra cho đến khi mẹ chết và cũng là người trực tiếp chăm sóc mẹ lúc ốm đau, già yếu. Lúc mẹ còn sống, vợ chồng ông có phụ mẹ cải tạo lại đất, tu sửa lại nhà cửa.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản diện tích đất đo đạc thực tế 6.756,6m² thì ông có ý kiến như sau: Trong diện tích đất tranh chấp 6.756,6m² thì chỉ có 102m² đất gắn liền căn nhà cấp 4 là di sản của cụ R và ông đồng ý chia thừa kế. Phần diện tích còn lại 6.654,6m² của bà H1 và bà G thì để cho họ sử dụng. Nếu Tòa án chia di sản thì ông yêu cầu được sử dụng phần đất gắn liền căn nhà của cụ R, nếu chia đất có cây trái và nhà tạm trên đất thì người đó được quản lý sử dụng. Tại Biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, 11/5/2022, biên bản làm việc ngày 24/8/2022, biên bản hòa giải ngày 26/8/2022 bị đơn ông Ngh thống nhất phương án phân chia di sản thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh H1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà G về quan hệ huyết thống. Sở dĩ, trong giấy khai sinh của bà ghi tên mẹ Bùi Thị B là vì cha bà là người Hoa nên khai tên mẹ cũng phải là người Hoa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H chia thừa kế diện tích đất 6.756,6m² thì bà không đồng ý. Bởi vì, trong diện tích đất tranh chấp 6.756,6m² thì có 1.254 m² đất là của bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H4 với giá 800.000 đồng vào năm 1979. Khi chuyển nhượng 02 bên không làm giấy tờ. Năm 1991, bà xây dựng 01 căn nhà cấp 4 (có xin phép xây nhà) trên phần đất này và hàng năm có đóng thuế đất. Sở dĩ, diện tích đất 1.254m² của bà mà cụ R đứng tên là vì khi làm sổ đất cán bộ nói gộp chung 03 miếng đất (bà, bà G và bà R) lại thành 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R đứng tên thì bà cũng đồng ý. Bà xác định trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ R đứng tên chỉ có 102m² đất là di sản nên bà đồng ý chia 102m² đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Gia C trình bày: Diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế 6.756,6m² là của mẹ ông mua vào năm 1980, trong đó có sự đóng góp tiền bạc của các con. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Cẩm V (Huynh Cam V) trình bày:* thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Xuân H.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 6.756,6m² thì ông có ý kiến như sau: Ông yêu cầu Tòa án chia đều cho tất cả những người con của cụ R, phần di sản của ông được chia thì ông xin nhận bằng hiện vật. Do ở nước ngoài nên yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân các cấp đến khi vụ án được giải quyết bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th trình bày:* Bà là vợ của bị đơn ông Bùi Hữu Ngh. Bà thống nhất với phần trình bày của ông Ngh. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc Q, bà Bùi Thanh Th1, bà Bùi Hữu Ph, ông Bùi Thanh A trình bày:* Các ông bà là con của bị đơn ông Bùi Hữu Ngh, chỉ ở trên đất tranh chấp cùng với cha mẹ chứ không có công sức đóng góp gì đối với đất và tài sản trên đất tranh chấp. Do bận công việc nên yêu cầu Tòa án cho các ông bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết án tại Tòa án nhân dân các cấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Gia H2, ông Lê Minh Quốc Đ trình bày:* Các ông bà là cháu của bà Huỳnh H1, chỉ ở trên đất tranh chấp cùng với bà Huỳnh H1 chứ không có công sức đóng góp gì đối với đất và tài sản trên đất tranh chấp. Do bận công việc nên các ông bà yêu cầu Tòa án cho các ông bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết án tại Tòa án nhân dân các cấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lai Thị Minh T trình bày:* Bà là con của bà Huỳnh H1. Bà chỉ ở trên đất tranh chấp cùng với mẹ chứ không có công sức đóng góp gì đối với đất và tài sản trên đất tranh chấp. Do bận công việc nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết án tại Tòa án nhân dân các cấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1 trình bày:* Ông là người thuê đất của bà Huỳnh H1; lúc thuê đất 02 bên có làm hợp đồng. Phần đất ông thuê có diện tích 100m² tọa lạc tại số 430, khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; thời hạn thuê đất là 01 năm tính từ ngày 05/9/2012 đến ngày 05/9/2013. Đến nay thời hạn thuê đất theo hợp đồng đã hết nhưng ông vẫn tiếp tục thuê đất mà không ký lại hợp đồng thuê đất với bà H1; hàng tháng ông vẫn trả tiền thuê đất cho bà H1. Trong thời gian thuê đất ông không có xây dựng công trình gì trên đất; chỉ dựng mấy căn nhà tạm bằng tôn. Hiện phần đất ông thuê nằm trong phần đất đang tranh chấp. Nếu phần đất ông thuê được chia cho ai thì ông có nguyện vọng được tiếp tục thuê đất với người đó. Nếu người sử dụng đất không cho ông thuê thì ông sẽ di dời các tài sản của ông có trên đất và không yêu cầu bà Huỳnh H1 phải bồi thường cho ông. Mọi vấn đề liên quan đến hợp đồng ông và bà Huỳnh H1 tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thiên C1 trình bày:* Ông là người thuê đất của bà Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị G và ông Bùi Hữu Ngh; theo Hợp đồng thuê đất ngày 10/01/2013. Phần đất ông thuê có diện tích 2.548m² tọa lạc tổ 29, khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 10/01/2013; giá thuê 5.000.000 đồng/tháng. Lúc ông thuê đất thì đất trống, đất trũng; sau khi thuê đất ông có cải tạo đất, san lấp đất cho cao lên và xây dựng một số công trình, trồng một số cây trái như sau:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước; 02 chòi lá; 01 nhà vệ sinh; 01 nhà kho có kết cấu nền xi măng, vách gạch, mái tole; 01 khán đài sân banh 02 tấm; 01 bục quan sát; lắp đặt hệ thống điện gồm: 600m dây cáp 140, 10 trụ điện cao thế, 24 bóng đèn cao áp; hệ thống lưới bao bọc toàn bộ sân; hệ thống hàng rào lưới B40 và hàng rào bằng tôn lạnh.

+ Trồng hệ thống cỏ nhân tạo ngang 30m, dài 62m; 01 cây hoa sữa 15 năm tuổi; 01 cây lộc vừng lá lớn 07 năm tuổi; 01 cây lộc vừng lá nhỏ 40 năm tuổi; 01 cây lộc vừng lá nhỏ 20 năm tuổi; 06 cây sò đo cam 12 năm tuổi; 01 cây cọ 10 năm tuổi; 06 cây si khoảng 07 năm tuổi; 01 cây sơ ri hơn 25 năm tuổi; 01 cây me khoảng 15 năm tuổi; 01 cây sung 10 năm tuổi; 01 cây thiên tế; 03 cây osaka vàng 10 năm tuổi; 02 cây điều 30 năm tuổi; 01 cây bồ đề 30 năm tuổi; 03 cây mít 06 năm tuổi; 01 cây mận 06 năm tuổi; 01 cây lý 06 năm tuổi; 01 cây bằng lăng tím 25 năm tuổi.

+ 01 giếng khoan; 01 đồng hồ nước.

Hiện nay, phần đất ông thuê nằm trong phần đất đang tranh chấp. Do đó, ông có ý kiến như sau: Nếu phần đất ông thuê được chia cho ai thì ông có nguyện vọng được tiếp tục thuê đất với người đó. Nếu không cho thuê thì phải bồi hoàn toàn bộ giá trị tài sản ông đã đầu tư trên đất. Đồng thời ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Th: Tại Công văn số 2181/UBND-NC ngày 17/8/2022, UBND không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Th: Tại Công văn số 724/TTPTQĐ-HC ngày 23/8/2022, Trung tâm không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2016/DS-ST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Xuân H đối với bị đơn bà Huỳnh Thị G và ông Bùi Hữu Ngh về tranh chấp thừa kế tài sản.

Xác định di sản của cụ Bùi Thị R là diện tích đất 5.387,6m² tọa lạc tại phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Những người được hưởng di sản của cụ R gồm: Ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V), bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1, ông Huỳnh Gia C, ông Huỳnh Hữu Ngh1 và bà Huỳnh Xuân H.

* Di sản được chia 07 kỷ phần, cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Xuân H được sử dụng diện tích đất 680,9m² (phần đất nhà ở ký hiệu khu C).

- Bà Huỳnh Thị G được sử dụng diện tích đất 1.100m² (phần đất sân banh ký hiệu khu A).

- Ông Bùi Hữu Ngh được sử dụng diện tích đất 724m² (phần đất sân banh ký hiệu khu B) và diện tích đất 335,2m² (gắn liền căn nhà của cụ R ký hiệu khu A).

- Bà Huỳnh H1 được quyền sử dụng diện tích đất 278,1m² (phần đất nhà ở ký hiệu khu B) và diện tích đất 724m² (phần đất sân banh ký hiệu khu B).

- Ông Huỳnh Gia C được sử dụng diện tích đất 1.061,3m² (phần đất trại gà ký hiệu khu A).

- Ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) được sử dụng tích đất 856,3m² (phần đất trại gà ký hiệu khu B).

- Ông Huỳnh Hữu Ngh1 được sử dụng diện tích đất 856,2m² (phần đất trại gà ký hiệu khu C).

* Trách nhiệm bồi hoàn do nhận tài sản chênh lệch so với phần di sản được chia như sau:

- Bà Huỳnh Xuân H có trách nhiệm phải bồi hoàn cho bà Huỳnh Thị G số tiền 1.300.055.971 đồng.

- Bà Huỳnh H1 có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Bùi Hữu Ngh số tiền 54.855.971 đồng.

- Ông Huỳnh Gia C có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) số tiền 150.705.771 đồng.

- Bà Huỳnh Xuân H có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Huỳnh Hữu Ngh1 số tiền 71.948.229 đồng.

- Bà Huỳnh H1 có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Huỳnh Hữu Ngh1 số tiền 11.348.258 đồng.

- Ông Huỳnh Gia C có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Huỳnh Hữu Ngh1 số tiền 67.588.458 đồng.

* Trách nhiệm bồi thường như sau:

- Ông Huỳnh Gia C bồi thường cho Bùi Hữu Ph số tiền 115.740.000 đồng (giá trị căn nhà).

- Ông Huỳnh Gia C có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Hữu Ngh số tiền 50.440.000 đồng (giá trị hồ cá, căn nhà cấp 4 và nhà vệ sinh).

Sau khi ông Huỳnh Gia C bồi thường giá trị tài sản cho ông Bùi Hữu Ngh và bà Bùi Hữu Ph thì ông Huỳnh Gia C được sở hữu tài sản này.

- Ông Bùi Hữu Ngh có trách nhiệm tháo dỡ các trại gà trên phần đất trại gà.

- Ông Nguyễn T1 có trách nhiệm tháo dỡ các căn nhà tạm trên đất ông Tiên thuê của bà G và bà H1.

- Bà Huỳnh H1 có trách nhiệm tháo dỡ các căn nhà tạm trên phần đất nhà ở.

Buộc ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1 và bà Huỳnh Thị G phải giao cho ông Huỳnh Gia C, ông Huỳnh Cẩm V, ông Huỳnh Hữu Ngh1 và bà Huỳnh Xuân H phần đất mà ông Huỳnh Gia C, ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V), ông Huỳnh Hữu Ngh1 và bà Huỳnh Xuân H được hưởng theo bản án này.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2017/DS-PT ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2016/DS-ST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có công văn kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2020/KN-DS ngày 23/6/2020, Chánh án TAND tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2017/DS-PT ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 53/2020/DS-GĐT ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên xử:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2020/KN-DS ngày 23/6/2020 của Chánh án TAND tối cao.

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2017/DS-PT ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2016/DS-ST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Giao hồ sơ cho TAND tỉnh Bình Dương xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm với lý do: Theo kiến nghị của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương thì việc Tòa án tuyên giao

phần đất có diện tích 724m² (phần sân bóng, ký hiệu khu B) cho ông Bùi Hữu Ngh và bà Huỳnh H1 cùng sử dụng là không phù hợp với thực tế, không thể thi hành bản án được và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành ủy thác tư pháp lấy lời khai của ông Huỳnh Hữu Ngh1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đang sinh sống tại Hoa Kỳ) nhưng không có kết quả; hiện nay cũng không rõ ông Ngh còn sống hay đã chết. Tuy nhiên, khi tuyên ông Ngh được quyền sử dụng đất có diện tích 856,2m² (phần trại gà, ký hiệu C), Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không tuyên rõ tạm giao phần di sản mà ông Ngh được hưởng cho người nào đang sống ở trong nước quản lý để sau này ông Ngh hoặc người thừa kế của ông Ngh được quyền hưởng theo quy định của pháp luật là không giải quyết triệt để vụ án và không phù hợp với tinh thần của Án lệ số 06/2016 và quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại cấp sơ thẩm lần 2, nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế và đồng ý tính công sức gìn giữ cho bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có phản tố và yêu cầu độc lập, tuy nhiên có ý kiến thống nhất chia di sản thừa kế và tính công sức gìn giữ đất như nguyên đơn; các đương sự tại Việt Nam thống nhất về cách phân chia di sản thừa kế theo các Biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, 11/5/2022, biên bản làm việc ngày 24/8/2022, biên bản hòa giải ngày 26/8/2022.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 634, 645, khoản 1 Điều 675, khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005, có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Bùi Thị R (bản án phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm).

Ông Huỳnh Hữu Ngh1 và ông Huỳnh Cẩm V đang định cư ở nước ngoài nên có hạn chế về quyền sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất nên cần chia di sản cho 02 người này nhận kỷ phần bằng giá trị. Theo Công văn số 838/UBND-NC ngày 20/4/2022 của UBND thành phố Th thì 01 phần đất của cụ R (2.548m² sân banh) đã được giải tỏa, đền bù để thực hiện dự án khu Trung tâm Văn hóa Thể dục – Thể thao (theo Quyết định số 348/QĐ-UBND thị xã Thuận An) với số tiền 7.712.877.480 đồng. Do đó, phần tài sản này chia di sản bằng giá trị. Tại Biên bản hòa giải ngày 26/8/2022, các đương sự đã thống nhất được về cách chia di sản.

Từ những phân tích trên, nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế di sản của cụ Bùi Thị R theo Biên bản hòa giải ngày 26/8/2022, trong đó, ông Huỳnh Hữu Ngh1 và ông Huỳnh Cẩm V nhận kỷ phần bằng giá trị.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị G, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh H1: Ngày 20 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhận được đơn yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị G yêu cầu Tòa án công nhận cho bà Huỳnh Thị G diện tích 2.548m² và 2.768m² tọa lạc tại phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 652QSDĐ/TTLT ngày 09/6/1998 của bà Bùi Thị R và đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh H1 yêu cầu Tòa án công nhận cho bà Huỳnh H1 diện tích 1.254m² trong tổng số 1.356m² tọa lạc tại phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 652QSDĐ/TTLT ngày 09/6/1998 của bà Bùi Thị R và căn nhà diện tích 200m² gắn liền với đất. Tòa án đã tiến hành thụ lý các yêu cầu của bà G, bà H1 để xem xét theo quy định.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Hữu Ngh1, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ và ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) hiện đang cư trú tại Thụy Điển. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng qua đường dịch vụ bưu chính. Theo đó, Tòa án tổng đạt Công văn số 125/TA-DS và Công văn số 126/TA-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 có nội dung đề nghị ông Ngh và ông V có ý kiến về việc giải quyết vụ án cũng như tham gia tố tụng và gửi các tài liệu kèm theo cho ông Ngh và ông V. Theo văn bản số 422/BĐBD-TTĐS&CSKH ngày 27/7/2022 của Bưu điện thành phố Thủ Dầu Một thì ông Huỳnh Hữu Ngh1 đã nhận được văn bản của Tòa án vào lúc 14 giờ 56 phút ngày 14 tháng 6 năm 2022; ông Huỳnh Cẩm V đã nhận được văn bản của Tòa án vào lúc 09 giờ 49 phút ngày 13 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, ông Ngh và ông V không có ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án.

[1.4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm có ông Huỳnh Hữu Ngh1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông Huỳnh Cẩm V, bà Trần Thị Th, ông Bùi Hữu Ph, ông Bùi Thành A, bà Bùi Ngọc Q, bà Lai Thị Minh T, bà Lê Ngọc Gia H2, ông Lê Minh Quốc Đ, ông Nguyễn T1, ông Trần Thiên C1, Ủy ban nhân dân thành phố Th và Trung tâm phát triển quỹ đất Thuận An có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.5] Theo biên bản định giá tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2021, Hội đồng định giá đã xác định giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, các đương sự trong vụ án thống nhất sử dụng kết quả định giá trước đây để giải quyết vụ án và không có yêu cầu định giá lại, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào giá đã định trước đây vào ngày 10/3/2021 để giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu đo đạc lại đất tranh chấp, do có thay đổi hiện trạng đất tranh chấp ở khu nhà ở nên các đương sự thống nhất đo đạc lại, các phần đất khác thống nhất theo kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm lần thứ nhất.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự thống nhất xác định cụ Huỳnh Phước S (Huỳnh Phước), sinh năm 1916 (chết năm 1986) và cụ Bùi Thị R, sinh năm 1926 (chết năm 2009). Cha mẹ của cụ Huỳnh Phước và cụ Bùi Thị R đã chết, cụ Huỳnh Phước và cụ Bùi Thị R có các con chung gồm 07 người là ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) sinh năm 1948, bà Huỳnh Thị G sinh năm 1950, ông Bùi Hữu Ngh sinh năm 1960, bà Huỳnh H1 sinh năm 1952, ông Huỳnh Gia C sinh năm 1957, ông Huỳnh Hữu Ngh1 sinh năm 1961, bà Huỳnh Xuân H sinh năm 1963; cụ Phước và cụ R không có con nuôi, con riêng nào khác.

[2.2] Nguyên đơn bà Huỳnh Xuân H xác định diện tích đất 6.672m² (đo đạc thực tế 6.756,6m²) là di sản của cụ Bùi Thị R nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ R cho 07 đồng thừa kế gồm: Bà Huỳnh Xuân H, ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V), bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1, ông Huỳnh Gia C và ông Huỳnh Hữu Ngh1. Bị đơn bà Huỳnh Thị G và ông Bùi Hữu Ngh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định di sản của cụ R chỉ có 102m² đất nên bà G và ông Ngh chỉ đồng ý chia 102m² đất cho 07 anh chị em, còn lại diện tích đất 1.254m² là của bà Huỳnh H1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H4 vào năm 1979 và diện tích đất 5.316m² là của bà G nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Tấn S1 và bà La Hồng Ph1 vào ngày 20/02/1980.

[2.3] Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, 11/5/2022, biên bản làm việc ngày 24/8/2022, biên bản hòa giải ngày 26/8/2022 các đương sự đang sinh sống tại Việt Nam gồm bà H, bà G, ông Ngh, bà H1, bà Hương đại diện ông C thống nhất về cách chia di sản thừa kế. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế trong đó có tính công sức gìn giữ di sản cho bà H1, bà G và ông Bùi Hữu Ngh. Việc nguyên đơn có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện và thống nhất cách chia di sản thừa kế với các đồng thừa kế có mặt tại Việt Nam là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó Tòa án chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà H1, bà G có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhưng được nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tại Việt Nam thống nhất và đồng ý về cách phân chia di sản là quyền sử dụng đất cho các đương sự, cụ thể thống nhất phân chia cho ông Bùi Hữu Ngh

quản lý, sử dụng phần đất gắn liền căn nhà của cụ R diện tích 254,5m², phần đất còn lại có diện tích 1.065,1m² giao cho bà H1 được quyền quản lý, sử dụng; thống nhất bà Huỳnh Thị G được phân chia giá trị quyền sử dụng đất sân banh và phân chia phần đất trại gà cho ông Bùi Hữu Ngh khoảng 700m² (bao gồm lối đi), bà Huỳnh Xuân H, ông Huỳnh Gia C, ông Huỳnh Cẩm V, ông Huỳnh Hữu Ngh1 mỗi người khoảng 500m² (bao gồm lối đi), phần ông Ngh, ông V sẽ giao cho ông C quản lý, ông C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất cho ông Ngh, ông V. Xét thấy, các đương sự tại Việt Nam đều thống nhất ý kiến nhưng chưa có ý kiến của ông Ngh, ông V nên Tòa án không thể ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án nên phải mở phiên tòa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật trong đó xem xét quyền lợi của ông Ngh, ông V về quyền thừa kế theo pháp luật.

[2.4] Xem xét di sản thừa kế gồm:

[2.5] Về phần đất sân banh: Căn cứ Công văn số 838/UBND-NC ngày 20 tháng 4 năm 2022 của UBND thành phố Th và Biên bản xác minh ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Th thì trong tổng diện tích đất 6.672m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652 QSDĐ/TTLT ngày 09/6/1998 do UBND huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp cho hộ gia đình bà Bùi Thị R thì có diện tích 2.548m² thuộc ranh quy hoạch giải tỏa để thực hiện dự án Khu Trung tâm Văn hóa thể dục – Thể thao thành phố Th (theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND thị xã Thuận An về phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cho dự án nêu trên). Tổng số tiền bồi thường là 7.712.877.480 đồng (trong đó bồi thường hỗ trợ về đất là 7.644.000.000 đồng; hỗ trợ công trình phụ, vật kiến trúc là 68.597.480 đồng và cây trồng là 280.000 đồng). Do chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết phần đất 2.548m² bị giải tỏa nên Trung tâm phát triển quỹ đất chưa thực hiện thủ tục tiếp theo cho người dân. Theo trình bày của bị đơn và bà Huỳnh H1, ông Trần Thiên C1 thì công trình phụ, vật kiến trúc do ông Cương đầu tư xây dựng, nên không thuộc di sản thừa kế của cụ R, tuy nhiên cần tạm giao số tiền đền bù công trình kiến trúc và cây trồng trên đất cho bà G và bà H1, nếu các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[2.6] Về phần đất nhà ở và trại gà: Phần đất nhà ở có diện tích 1.319,6m² trong đó có 300m² đất thổ cư có giá 22.000.000 đồng/m²; 994,2m² đất nông nghiệp có giá 15.000.000 đồng/m², 25,4m² đất thổ mộ; gắn liền với đất là nhà ở có diện tích 102m² có giá 3.450.000 đồng/m² và phần đất trại gà có diện tích 2.889m² đất nông nghiệp có giá 8.000.000 đồng/m².

[2.7] Tổng giá trị di sản là 21.513.000.000 đồng (đất nhà ở) + 23.112.000.000 đồng (đất trại gà) + 7.644.000.000 đồng (tiền đền bù, giải tỏa đất sân banh) + 351.900.000 đồng nhà ở = 52.620.900.000 đồng.

[2.8] Về tính công sức gìn giữ: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất tính công sức gìn giữ di sản cho bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh H1 và ông Bùi Hữu Ngh. Xét thấy, bà

G, bà H1, ông Ngh là những người trực tiếp sinh sống trên đất từ trước khi bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi bà R chết, các ông bà tiếp tục sinh sống, gìn giữ di sản đến nay nên tính công sức cho những người này mỗi người được nhận 15% giá trị di sản tương đương với số tiền 7.893.135.000 đồng. Phần di sản còn lại được chia cho 07 đồng thừa kế, mỗi đồng thừa kế được hưởng mỗi kỷ phần tương đương 4.134.499.286 đồng. Như vậy, bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh H1 và ông Bùi Hữu Ngh mỗi người được hưởng tương đương 12.027.634.286 đồng; các ông bà Huỳnh Cẩm V (Huynh Cam V), Huỳnh Hữu Ngh1, Huỳnh Gia C, Huỳnh Xuân H mỗi người được hưởng số tiền 4.134.499.286 đồng.

[2.9] Về chia giá trị: Xét thấy, ông Huỳnh Cẩm V và ông Huỳnh Hữu Ngh1 hiện đang cư trú tại nước ngoài, Tòa án đã thực hiện tổng đạt văn bản qua dịch vụ bưu chính, ông Ngh và ông V đã nhận được văn bản nhưng không có ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Do ông Ngh, ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc có quyền được sở hữu và sử dụng nhà ở tại Việt Nam theo quy định tại Điều 59 Luật Nhà ở và Điều 74 Nghị định 99/2015/NĐ-CP, ngày 20/10/2015 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. Đồng thời theo quy định tại Điều 5 và Điều 186 Luật Đất đai 2013 thì ông Ngh và ông V cũng không thuộc các đối tượng được quyền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất, nên ông Ngh và ông V không có đủ điều kiện được nhận di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, do đó có cơ sở xem xét chia giá trị cho ông Huỳnh Hữu Ngh1, ông Huỳnh Cam V (Huỳnh Cẩm V)

[2.10] Căn cứ biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, 11/5/2022, biên bản làm việc ngày 24/8/2022 thể hiện ý chí của các đương sự đang sinh sống tại Việt Nam về việc phân chia quyền sử dụng đất cho các đương sự, cụ thể thống nhất phân chia cho ông Bùi Hữu Ngh quản lý, sử dụng phần đất gắn liền căn nhà của cụ R, bà H1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất còn lại của phần đất ở này; bà Huỳnh Thị G được phân chia giá trị quyền sử dụng đất sân banh được đền bù giải tỏa và phân chia phần đất trại gà cho ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh Xuân H, ông Huỳnh Gia C, ông Huỳnh Cẩm V (Huynh Cam V), ông Huỳnh Hữu Ngh1. Do ông Huỳnh Hữu Ngh1 và ông Huỳnh Cẩm V (Huynh Cam V) đang định cư ở nước ngoài nên sẽ giao quyền sử dụng đất cho ông C và ông C sẽ hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hữu Ngh1 và ông Huỳnh Cẩm V (Huynh Cam V). Ý chí của các đương sự tại 02 biên bản hòa giải này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ trên thỏa thuận này để làm cơ sở giao hiện vật cho các đương sự. Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2022, bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh H1 thống nhất giao cho bà H1 phần đất mà bà G và bà H1 đang ở. Đây là sự tự nguyện của bà G nên Tòa án ghi nhận. Đồng thời tại thời điểm làm việc ngày 24/8/2022, trên cơ sở nội dung cuộc gọi giữa ông Huỳnh Hữu Ngh1 và bà Huỳnh Xuân H thì ông Ngh, ông V đồng ý nhận giá trị tại thời điểm có yêu cầu. Ý kiến của người đại diện hợp pháp của ông C đồng ý nhận đất và hoàn lại

giá trị cho ông Ngh, ông V theo giá trị tại thời điểm ông Ngh, ông V yêu cầu. Đây là sự tự nguyện của ông C nên Tòa án ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở phân chia di sản thừa kế như sau:

[3.1] Bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh H1 cùng được hưởng số tiền đền bù giải tỏa phần đất sân banh là 7.644.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh H1 cùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.065,1m² (ký hiệu E theo sơ đồ bản vẽ), trong đó có 185m² đất thổ cư; 854,7m² đất nông nghiệp, thổ mộ 25,4m² và gắn liền nhà, các công trình khác của gia đình bà H1, tổng giá trị là 16.890.500.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà G giao cho bà H1 toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất này.

[3.2] Ông Bùi Hữu Ngh được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 254,5m² trong phần đất nhà ở gắn liền căn nhà cấp 4 (ký hiệu D theo sơ đồ bản vẽ, trong đó có 115m² đất thổ cư; 139,5m² đất nông nghiệp). Phần nhà đất này hiện do ông Bùi Hữu Ngh quản lý, sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 4.974.400.000 đồng. Đồng thời, ông Bùi Hữu Ngh được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 699,2m² trong phần đất trại gà (ký hiệu khu A1, A2 trên sơ đồ bản vẽ) tương đương với 5.593.600.000 đồng.

[3.3] Bà Huỳnh Xuân H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 636,8m² trong phần đất trại gà (ký hiệu khu B1, B2 trên sơ đồ bản vẽ) tương đương với 5.094.400.000 đồng.

[3.4] Ông Huỳnh Gia C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 1.249m² trong phần đất trại gà (ký hiệu khu C trên sơ đồ bản vẽ) tương đương với 9.992.000.000 đồng.

[3.5] Bà Huỳnh Xuân H, ông Bùi Hữu Ngh, ông Huỳnh Gia C được quyền quản lý, sử dụng chung diện tích đất 304m² (gồm 115,2m², 48,18m² và 140,62m²) để cải tạo làm lối đi (2.432.000.000đồng)/5 = 486.400.000 đồng, trong đó ông Huỳnh Gia C phải chịu 3/5 phần đường đi tương đương với số tiền 1.459.200.000 đồng, ông Bùi Hữu Ngh và bà Huỳnh Xuân H mỗi người phải chịu 1/5 giá trị lối đi chung tương đương 486.400.000 đồng.

[4] Về thanh toán giá trị chênh lệch như sau:

[4.1] Ông Huỳnh Gia C có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Hữu Ngh1 số tiền 4.134.499.286 đồng và có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) số tiền 3.182.201.428 đồng.

[4.2] Bà Huỳnh Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) số tiền 952.279.858 đồng.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất và ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh và bà Huỳnh H1 không yêu cầu bồi hoàn giá trị chênh lệch.

[6] Buộc ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1 và bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm giao một phần di sản là quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế khác theo

quyết định của bản án này. Ông Bùi Hữu Ngh có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản trên đất trại gà thuộc các phần đất giao cho bà Huỳnh Xuân H và ông Huỳnh Gia C.

[7] Về hợp đồng thuê đất giữa ông Bùi Hữu Ngh, bà H1 và bà G với ông Cương nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về hợp đồng thuê đất giữa ông Tiên với bà H1 nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Hiện nay di sản này ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1 và bà Huỳnh Thị G đang quản lý do đó buộc ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1 và bà Huỳnh Thị G phải giao một phần di sản cho các đồng thừa kế khác theo quyết định của bản án này.

[10] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[11] Về chi phí tố tụng:

[11.1] Chi phí đo đạc, định giá: Cấp sơ thẩm lần 1 số tiền 32.240.000 đồng; cấp sơ thẩm lần 2 số tiền 6.557.561 đồng. Tổng 02 lần là 38.797.561 đồng đều do bà Huỳnh Xuân H đã tạm ứng, nên các thừa kế khác có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Huỳnh Xuân H.

[11.2] Về chi phí ủy thác tư pháp: Cấp sơ thẩm lần 1 số tiền 1.950.000 đồng, cấp sơ thẩm lần 2 số tiền 9.485.000 đồng, chi phí tổng đạt bản án số tiền 5.000.000 đồng. Tổng 02 lần là 16.435.000 đồng đều do bà Huỳnh Xuân H đã tạm ứng, nên các thừa kế khác có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Huỳnh Xuân H.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Huỳnh Xuân H, ông Huỳnh Hữu Ngh1 và ông Huỳnh Cẩm V mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 112.134.449 đồng.

Bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh H1, ông Bùi Hữu Ngh, ông Huỳnh Gia C được miễn án phí.

Tuy nhiên, bà Huỳnh Xuân H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của UBND phường Long Th, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước. Căn cứ Điều 14 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 nêu trên thì bà H được xem xét miễn một phần án phí tương đương với 50% số tiền 112.134.449 đồng là 56.067.224 đồng. Tại Công văn số 92/CTHADS-NV ngày 18/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương và tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện việc thi hành Bản án số 175/2017/DSPT ngày 10/8/2017 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 09/2016/DSST ngày 19/4/2016 của TAND tỉnh Bình Dương thì bà

Huỳnh Xuân H đã đóng số tiền 62.761.737 đồng và ông Huỳnh Gia C đã đóng 62.761.737 đồng án phí dân sự sơ thẩm do đó khi tính lại án phí sơ thẩm sẽ thực hiện khấu trừ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 228, 266, 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Xuân H.

Xác định di sản của cụ Bùi Thị R là diện tích đất 6.756,6m² gắn liền căn nhà trên đất diện tích 102m² tọa lạc tại phường L, thành phố Th, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDD/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R.

Những người được hưởng di sản của cụ R gồm: Ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V), bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1, ông Huỳnh Gia C, ông Huỳnh Hữu Ngh1 và bà Huỳnh Xuân H.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Bùi Thị R cho các đồng thừa kế như sau:

2.1. Bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh H1 cùng được hưởng 7.644.000.000 đồng (bảy tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu đồng) tiền đền bù giải tỏa 2.548m² phần đất sân banh. Tạm giao cho bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh H1 quản lý 68.877.480 đồng tiền đền bù công trình kiến trúc và cây trồng trên phần đất sân banh bị giải tỏa. Bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh H1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 1.065,1m² (ký hiệu E theo sơ đồ bản vẽ đất nhà ở), trong đó có 185m² đất thổ cư; 854,7m² đất nông nghiệp và gắn liền nhà, các công trình khác của gia đình bà H1. Tạm giao phần thổ mộ 25,4m² cho bà H1, bà G quản lý. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị G giao toàn bộ diện tích đất 1.065,1m² cho bà Huỳnh H1 quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDD/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R.

2.2. Ông Bùi Hữu Ngh được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 254,5m² (ký hiệu D theo sơ đồ bản vẽ đất nhà ở, trong đó có 115m² đất thổ cư; 139,5m² đất nông nghiệp); trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 102m². Ông Bùi Hữu Ngh được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 699,2m² (ký hiệu khu A1, A2 trên sơ đồ bản vẽ đất trại gà) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDD/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R.

2.3. Bà Huỳnh Xuân H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 636,8m² (ký hiệu khu B1, B2 trên sơ đồ bản vẽ đất trại gà) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDĐ/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R.

2.4. Ông Huỳnh Gia C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 1.249m² (ký hiệu khu C trên sơ đồ bản vẽ đất trại gà) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDĐ/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R.

2.5. Bà Huỳnh Xuân H, ông Bùi Hữu Ngh, ông Huỳnh Gia C được sử dụng chung diện tích đất 304m² (gồm 115,2m², 48,18m² và 140,62m²) để cải tạo làm lối đi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDĐ/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

3. Về thanh toán giá trị chênh lệch như sau:

3.1. Ông Huỳnh Gia C có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Hữu Ngh1 số tiền 4.134.499.286 đồng và có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) số tiền 3.182.201.428 đồng.

3.2. Bà Huỳnh Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) số tiền 952.279.858 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất và ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh và bà Huỳnh H1 không yêu cầu bồi hoàn giá trị chênh lệch.

5. Buộc ông Bùi Hữu Ngh, bà Huỳnh H1 và bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm giao một phần di sản là quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế khác theo quyết định của bản án này. Ông Bùi Hữu Ngh có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản trên đất trại gà thuộc các phần đất giao cho bà Huỳnh Xuân H và ông Huỳnh Gia C.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 652/QSDĐ/TTLT cấp ngày 09/6/1998 cho hộ cụ Bùi Thị R để cấp lại cho các đương sự theo bản án này. Các đương sự phải có nghĩa vụ thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận tiền đền bù giải tỏa theo quy định.

6. Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí đo đạc, định giá là 38.797.561 đồng, mỗi đương sự phải chịu 5.542.508 đồng. Do bà Huỳnh Xuân H đã tạm ứng, các ông bà Huỳnh Thị G, Huỳnh H1, Huỳnh Hữu Ngh1, Huỳnh Cẩm V, Bùi Hữu Ngh, Huỳnh Gia C có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H, mỗi người số tiền 5.542.508 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

Tổng chi phí ủy thác tư pháp số tiền 16.435.000 đồng, mỗi đương sự phải chịu 2.347.857 đồng. Do bà Huỳnh Xuân H đã tạm ứng, các ông bà Huỳnh Thị G, Huỳnh H1, Huỳnh Hữu Ngh1, Huỳnh Cẩm V, Bùi Hữu Ngh, Huỳnh Gia C có

trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H, mỗi người số tiền 2.347.857 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Xuân H phải nộp số tiền 56.067.224 đồng (năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng), được khấu trừ vào số tiền 62.761.737 đồng (sáu mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 04438 ngày 05/11/2013 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0010563 ngày 12/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho bà Huỳnh Xuân H số tiền 6.694.512 đồng (sáu triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm mười hai đồng).

Bà Huỳnh Thị G, ông Bùi Hữu Ngh và bà Huỳnh H1 được miễn nộp.

Ông Huỳnh Gia C được miễn nộp. Hoàn trả cho ông Huỳnh Gia C số tiền 62.761.737 đồng (sáu mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0010564 ngày 12/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ông Huỳnh Hữu Ngh1 và ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) mỗi người phải nộp số tiền 112.134.449 đồng (một trăm mười hai triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì còn phải thanh toán cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Hữu Ngh1, ông Huỳnh Cẩm V (Huỳnh Cam V) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Mai

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Đức Thành

Trần Thị Đẹp

Nguyễn Ngọc Mai

